**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN ĐẮK SONG**
**TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HS-ST
Ngày 28 - 4 - 2020

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG TỈNH ĐẮK NÔNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa Phên toà:* Bà Hoàng Thị Thu Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Võ Thị Mơ và bà Hoàng Thị Tám.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Võ Thị Nhàn – Thư ký, Toà án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà:*** Bà Dương Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông mở Pên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2020/TLST- HS ngày 02 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 04 năm 2020 đối với bị cáo:

**Vũ Đức Hoàng P,** sinh ngày 13/6/1998, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: T1, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức B và con bà Hoàng Thị H; bị cáo chưa có vợ con; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ (Theo Quyết định truy nã của Công an huyện Đắk Song) từ ngày 26/12/2019 đến nay; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Chị Trần Thị B; xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: T5, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết H; vắng mặt.

Địa chỉ: T5, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Trần Lâm D; vắng mặt.

Địa chỉ: T5, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông .

2. Đỗ Xuân T ; vắng mặt.

Địa chỉ: T5, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19 tháng 4 năm 2016, Vũ Đức Hoàng P, Đỗ Xuân T và Trần Lâm D gặp nhau tại quán cà phê trước cổng Trường Trung học phổ thông Phan Đình P (thuộc xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông) rủ nhau đi Đồng Nai chơi. Do không có tiền nên cả 03 thống nhất với nhau về nhà của mỗi người lấy trộm tài sản của gia đình mình bán kiếm tiền đi chơi. Đến khoảng 11 giờ ngày 20 tháng 4 năm 2016, khi T và P đang ở Thị trấn Đ, huyện Đ thì D (mượn điện thoại của mẹ là bà Nguyễn Thị Tuyết H) gọi điện thoại cho P và nói: *"Tao lấy được điện thoại rồi, về đi"*. Nghe vậy, P điều khiển xe máy của T, loại xe YAMAHA, nhãn hiệu Sirius màu trắng đen BKS: 28E1- 016.90 chở T về nhà D thì gặp D đang ở trước tiệm điện thoại H (thuộc thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông). D nói với T và P là: *"Chưa lấy được điện thoại"*. Sau đó, D tiếp tục đi bộ về nhà với mục đích lấy trộm điện thoại nhưng vẫn không lấy được do chị gái của D là Trần Thị B về nhà D chơi, đang cho con uống sữa trong nhà. D đi bộ ra chỗ T và P thì thấy cả 2 đang ăn cơm trong quán ăn gần đó. D mượn xe của T để tiếp tục chạy về nhà để lấy trộm điện thoại còn T và P vẫn ở trong quán ăn cơm. Lần này, D cũng không lấy được điện thoại do chị B vẫn ở trong nhà. D chạy xe máy BKS: 28E1- 016.90 ra trả lại cho T. Lúc này, T hỏi D: *"mày có lấy không để tao biết đường tao đi"* và P nói với D: *"bọn tao đi kiếm quán cà phê võng ngủ đây"* rồi cả 02 chạy xe ra hướng ngã ba xã Đ kiếm quán để ngủ trưa. D tiếp tục đi bộ về nhà mình thì không thấy chị B trong nhà. D bí mật, lén lút đi vào phòng ngủ thứ hai của nhà mình (là phòng ngủ của bố mẹ D). Tại đây, D thấy chiếc điện thoại Iphone 6S Plus màu vàng của chị B để trên két sắt cao 80cm, đặt cách cửa ra vào 02m, cách giường ngủ 30cm lấy bỏ vào túi quần nhanh chóng đi ra khỏi nhà (D biết đây là điện thoại của chị B vì trước đó D thấy chị B mua và sử dụng chiếc điện thoại nói trên, mặt khác trong nhà D không ai sử dụng điện thoại IPhone 6S Plus). D gọi điện cho T nói: *"Tao lấy được điện thoại rồi, quay lại đi"*. P và T quay lại đến trước tiệm điện thoại H thì gặp D đứng ở đó. D lên xe của T rồi cùng với P và T chạy ra hướng thị trấn Đ, huyện Đ. Khi đi được khoảng 100m thì D lấy điện thoại ra cho P và T xem. T nói: *"Tao có chỗ cầm đồ trên Buôn Ma Thuột được giá lắm"* (ý nói đi bán chiếc điện thoại nói trên) thì D đồng ý rồi cả 3 cùng nhau đi Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Khi đi đến huyện M thì P xuống bắt xe Buýt đi trước còn T chở D chạy xe máy đi sau. Khi đi tới đường L, Thành phố B thì T dẫn D và P vào tiệm cầm đồ "X", D cầm điện thoại vào để bán nhưng chủ tiệm không mua do không có mật khẩu "Icloud". Sau đó, D mang điện thoại nói trên cùng T và P đi đến tiệm cầm đồ "P" gần đó. D cầm điện thoại vào hỏi chủ quán rồi bán chiếc điện thoại này cho chủ tiệm với giá 08 triệu đồng. Sau khi bán được điện thoại, cả 3 chơi tại Thành phố B một đêm, sau đó cùng nhau bắt xe đi huyện L, tỉnh Đồng Nai để chơi (mang theo chiếc xe máy BKS: 28E1- 016.90 của T gửi ở dưới gầm xe). D đã dùng số tiền 08 triệu đồng có được từ việc bán điện thoại để tiêu xài cho cả nhóm. Khi xuống Đồng Nai, cả 03 đã gặp V (là anh họ của P) và tiêu xài hết số tiền 08 triệu đồng. T nhờ V dẫn đi xuống huyện L, tỉnh Đồng Nai để cầm cố chiếc xe của T BKS: 28E1- 016.90 lấy 07 triệu đồng để cả nhóm tiêu xài nhưng khi cầm xong và bỏ tiền vào cốp xe Sirius mà V mượn của bạn để đi thì bị mất trộm cả xe và tiền. Tối ngày 23/4/2016 D, P và T bắt xe về lại huyện Đ thì bị Cơ quan Công an triệu tập làm việc.

Tại biên bản định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 61 ngày 19/10/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: Tại thời điểm ngày 20/4/2016, giá trị thành tiền của chiếc điện thoại Iphone 6S Plus màu vàng mà Trần Lâm D chiếm đoạt của chị Trần Thị B là 14.400.000 đồng *(mười bốn triệu bốn trăm ngàn đồng)*.

Tại bản cáo trạng số 16/CTr-VKS -ĐS ngày 02/3/2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song đã truy tố bị cáo Vũ Đức Hoàng P về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Vũ Đức Hoàng P về tội "Trộm cắp tài sản"; đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) tuyên bố bị cáo Vũ Đức Hoàng P phạm tội "Trộm cắp tài sản" và áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91 BLHS.

Xử phạt bị cáo Vũ Đức Hoàng P từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 26/12/2019.

Về bồi thường thiệt hại và xử lý vật chứng của vụ án: Đã được giải quyết tại bản án số 51/2017/HS-ST ngày 25/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đối với Trần Lâm D và Đỗ Xuân T.

Đối với hành vi của Vũ Đức Hoàng P khai báo lấy 01 chiếc Ipal của người tên L (Hiện nay chưa xác định được nhân thân lai lịch) mang đi cầm cố. Cơ quan CSĐT đã làm thủ tục truy tìm nhưng hiện chưa xác định được bị hại nên đã tách hành vi này để tiếp tục điều tra, khi nào có kết quả thì xử lý theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo Vũ Đức Hoàng P không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, vẫn vắng mặt không lý do, HĐXX xét thấy việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS), Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[3] Bị cáo Vũ Đức Hoàng P là người có đủ nhận thức pháp luật để biết hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do ý thức coi thường pháp luật, muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải lao động nên vào khoảng 11 giờ ngày 20/4/2016, lợi dụng sự sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản của chị Trần Thị

B, trú tại T5, xã N. Trên cơ sở bàn bạc giữa D, T và P thống nhất là để có tiền tiêu xài thì cả ba cùng về nhà lấy tài sản mang đi bán lấy tiền để đi đồng Nai chơi. D đã về nhà lén lút lấy điện thoại I Phone 6S Plus màu vàng của chị B. Sau khi lấy được đã báo cho T và P cùng đi bán lấy tiền, tiêu xài. Hành vi của bị cáo P là giúp sức một cách tích cực cùng D thực hiện hành vi phạm tội, trị giá tài sản trộm cắp là 14.400.000đồng.

Hành vi phạm tội vào ngày 20/4/2016 của bị cáo Vũ Đức Hoàng P xảy ra trước khi Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực nhưng đối chiếu khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1999 và khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 không có gì khác nhau hoặc luật mới không có gì có lợi hơn cho bị cáo nên áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS năm 2009 để truy tố và xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật vì hành vi phạm tội xảy ra trước khi luật năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật.

Vì vậy, hành vi trên của bị cáo Vũ Đức Hoàng P đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

**Tại khoản 1, Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:**

*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*

*....."*

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã có hành vi giúp sức cùng với D và T thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản. Sau khi thực hiện hành vi bị cáo đã bỏ trốn, cơ quan CSĐT đã phải ra quyết định truy nã. Vì vậy, hành vi của bị cáo phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa nói chung.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiệm trọng; tại thời điểm xét xử bị cáo đã trên 18 tuổi. Tuy nhiên, tại thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; áp dụng Điều 90, 91 của BLHS khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tại phiên tòa đối với bị cáo Vũ Đức Hoàng P là phù hợp nên chấp nhận.

- Đối với hành vi của Vũ Đức Hoàng P khai báo lấy 01 chiếc Ipal của người tên L (Hiện nay chưa xác định được nhân thân lai lịch) mang đi cầm cố. Cơ quan CSĐT đã làm thủ tục truy tìm nhưng hiện chưa xác định được bị hại nên đã tách hành vi này để tiếp tục điều tra, khi nào có kết quả thì xử lý theo quy định.

Về bồi thường thiệt hại và xử lý vật chứng của vụ án: Đã được giải quyết tại bản án số 51/2017/HS-ST ngày 25/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đối với Trần Lâm D và Đỗ Xuân T nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi của mình trong bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố bị cáo Vũ Đức Hoàng P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 138, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Vũ Đức Hoàng P 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 26/12/2019.

2. Việc bồi thường thiệt hại và xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại bản án số 51/2017/HS-ST ngày 25/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đối với Trần Lâm D và Đỗ Xuân T nên không giải quyết.

3.Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Vũ Đức Hoàng P phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt bản án hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt bản án hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***(Đã ký và đóng dấu)***

**Hoàng Thị Thu Hà**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Phòng VP06 CA tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Công an huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.